ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐH KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
KHOA ĐỊA LÝ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN ĐỊA LÝ

Chuyên ngành Địa lý Dân số-Xã hội

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết	Ghi chú
Kiến thức Chuyên ngành Địa Lý Dân Số - Xã Hội (47 TC)			**41**	**6**		
1	DIA012	Dân số học sức khỏe **Population and Health**	3		45	
2	DIA069	Quy hoạch và quản lý đô thị **Urban planning and management**	3		45	
3	DIA122	Thống kê ứng dụng trong Địa lý kinh tế-xã hội **Applied statistics**	2		30	
4	DIA059	Phương pháp nghiên cứu trong Địa lý dân số-xã hội **Research methods for population and social geography**	5		75	
5	DIA050.1	Môi trường văn hóa Việt Nam và các vấn đề gia đình Việt Nam hiện đại **Vietnamese cultural environment and issues of contemporary Vietnamese families**		3	45	
6	DUL017	Khoa học giao tiếp **Communication Science**		2	30	
7	DIA118	Phát triển cộng đồng	3		45	

		Community development				
8	DIA119	Chính sách công **Public policy**		2	30	
9	DIA116	Phân tích dữ liệu điều tra dân số-kinh tế-xã hội **Data Analysis for Population, Socio-Economic Surveys**	3		45	
10	DIA006	Chính sách xã hội và các vấn đề an sinh xã hội **Social policy and social welfare issues**	3		45	
11	DIA056	Phân tích, dự báo và chính sách dân số **Population analysis, forecast and policy**	3		45	
12	DIA041.1	Lao động, việc làm và phát triển nguồn nhân lực **Labour, employment and human resource development**		2	30	
13	DIA001	Bản đồ chuyên đề **Thematic Cartography**	2		30	
14	DIA027	Giới và phát triển **Gender and Development**	3		45	
15	DIA101.1	Xây dựng và quản lý dự án phát triển có sự tham gia **Design and manage developmental project with participatory approach**	4		60	
16	DIA057	Phát triển nông nghiệp và nông thôn **Agricultural and Rural Development**	3		45	
17	DIA014	Dân số, môi trường và phát triển **Population, environment**		3	45	

		and development				
18	DIA018	Địa lý kinh tế Đông Nam Á **Economic Geography of Southeast Asia**		3	45	
19	DIA045	Luật và chính sách môi trường **Law and environmental policies**		3	45	
20	DIA117	Đánh giá rủi ro sinh kế cộng đồng **Assessment of community livelihood risks**		3	45	
21	DIA084	Thực tập thực tế chuyên ngành Địa lý dân số-xã hội **Fieldwork**	2		60	
22	DIA089	Thực tập tốt nghiệp **Internship**	2		60	
23	DIA032	Khóa luận tốt nghiệp **Graduation Thesis**		10	150	
		Tổng cộng	**41+ 6 = 47**			